

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ THỂ CHẾ KINH TẾ

Thể chế kinh tế luôn là vấn đề trọng yếu, không những tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế, mà còn đến sự ổn định của chế độ chính trị - xã hội. Do vậy, trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, rút ra các bài học kinh nghiệm, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ban hành nghị quyết về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó nêu rõ: "Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng thành công và vận hành đồng bộ, thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; góp phần huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả nhất mọi nguồn lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững...". Chính vì vậy, trong chuyên đề này xin gửi tới các đại biểu những kiến thức cơ bản nhất về thể chế kinh tế.

1. Khái niệm thể chế

Tư tưởng thể chế được xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX và được phổ biến rộng rãi ở Mỹ trong những năm 1920-1930 của thế kỷ XX. Sự nảy sinh của chủ nghĩa thể chế diễn ra do quá trình chuyển đổi từ việc tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn độc quyền, với sự tăng cường tập trung sản xuất và tích tụ tư bản, thiết lập sự thống trị của các tổ chức độc quyền trong các ngành công nghiệp then chốt, tập trung cao độ tư bản ngân hàng.

Theo các nhà kinh tế học thể chế, thuật ngữ này được hiểu là những hiện tượng xã hội như gia đình, nhà nước, tổ chức độc quyền, nghiệp đoàn, vv. có thể là sự biểu hiện của tâm lý xã hội, động cơ xử sự, phương thức tư duy - những thứ này đã trở thành quen thuộc đối với một nhóm người hoặc đối với cả một dân tộc - đó là tập tục, truyền thống, thói quen và những biểu hiện về pháp luật, luân lý, vv.. Các nhà tư tưởng của chủ nghĩa thể chế khẳng định rằng, các phạm trù kinh tế như: chế độ sở hữu tư nhân, thuế, tiền tệ, tín dụng, lợi nhuận, thương mại - tất cả những thứ này chỉ là hình thức thể hiện của tâm lý học xã hội. Do đó, những người ủng hộ chủ nghĩa thể chế không thừa nhận tác động của các quy

luật kinh tế khách quan. Họ không phân tích sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, họ chỉ phân tích tiến hóa của tâm lý xã hội¹.

Một trong những người đầu tiên đưa ra định nghĩa về thể chế là Thorstein Veblen. Theo ông: Thể chế là tính quy chuẩn của hành vi hoặc các quy tắc xác định hành vi trong những tình huống cụ thể, được các thành viên của một nhóm xã hội chấp nhận và tuân thủ². Về cơ bản, sự tuân thủ các quy tắc đó là do bản thân tự kiểm soát hoặc do quyền lực bên ngoài không chế.

Sau Thorstein Veblen, nhiều định nghĩa mới về thể chế đã được các nhà kinh tế học đưa ra. A.Schmid (năm 1972) cho rằng: Thể chế là tập hợp các mối quan hệ được quy định giữa mọi người, các mối quan hệ này xác định quyền của một người trong tương quan với quyền của nhiều người khác và xác định quyền lợi, trách nhiệm của con người nói chung.

Douglass C.North (năm 1990) lại cho rằng: Thể chế là những quy tắc của trò chơi xã hội, hay là những giới hạn được vạch ra trong phạm vi khả năng và hiểu biết của con người, hình thành nên mối quan hệ qua lại của con người. Do đó, chúng kết cấu nên những kích thích về mặt chính trị, xã hội và kinh tế. Thể chế bao gồm những ràng buộc phi chính thức (những điều được thừa nhận hay bị cấm đoán theo phong tục, tập quán, truyền thống và đạo lý) và những quy tắc chính thức khiến pháp, luật, hoặc các quy chế khác...) và các cơ chế bảo đảm hiệu lực thực thi chúng. Theo North, vai trò chính của thể chế trong một xã hội là làm giảm bớt sự bất ổn định thông qua việc tạo nên cấu trúc vững chắc cho các mối tương tác qua lại của con người. Thể chế là một sự sáng tạo của con người, do con người phát triển và làm thay đổi chúng. Vì vậy, lý thuyết của thể chế phải bắt đầu từ các cá nhân.

Còn theo Lin và Nugent (năm 1995) cho rằng: Thể chế là một hệ thống các quy tắc hành xử do con người sáng tạo ra để quản lý và định hình các tương tác giữa con người với nhau, thông qua đó giúp họ hình thành những kỳ vọng về những điều mà người khác sẽ làm.

¹Xem Mai Ngọc Cường: Lịch sử các học thuyết kinh tế: Cấu trúc hệ thống bổ sung phân tích và nhận định mới, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.

²Xem Đinh Văn Ân, Lê Xuân Bá: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2006.

Năm 2001, Sokolof đã đưa ra một định nghĩa mở rộng tiếp các quan niệm về thể chế. Ông cho rằng: Thể chế là khung khổ chính trị và pháp lý tạo ra những nguyên tắc và luật lệ cơ bản cho sự hoạt động của các cá nhân và công ty; những tổ chức mang tính tự nguyện hoặc hợp tác giữa các chủ thể có tác động đến bản chất và tổ chức của sự thay đổi; các giá trị văn hóa và niềm tin có ảnh hưởng tới hành vi kinh tế thông qua tác động của chúng đối với sự sẵn lòng tham gia và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường và đối với nội dung của hàng hóa, dịch vụ. Như vậy, trong định nghĩa này, nội hàm cụ thể của các “bộ quy tắc” đã phần nào được định dạng rõ hơn: các chủ thể của thể chế không chỉ là những “con người” với tư cách là một cá thể, mà còn bao gồm cả các tổ chức, các “tập thể người”.

Báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2003 cũng đưa ra khái niệm về thể chế, đó là: “Những quy tắc và tổ chức, gồm cả các chuẩn mực không chính thức, phối hợp hành vi con người. Hệ thống chuẩn mực không chính thức bao gồm cả lòng tin và các giá trị xã hội (trong đó có cả những chuẩn mực lâu đời chi phối các hành vi xã hội) đến các cơ chế và mạng lưới phối hợp không chính thức. Trong khi đó, hệ thống thể chế chính thức lại bao gồm: luật pháp, các văn bản quy phạm pháp luật khác, các thủ tục cũng như các chủ thể chịu trách nhiệm xây dựng, sửa đổi, giải thích và thi hành các luật lệ và quy chế đó. Do các thể chế điều khiển hành vi con người nên một khi nó hoạt động tốt thì sẽ cho phép con người làm việc với nhau hiệu quả, cùng hợp tác trong lập kế hoạch cho bản thân, gia đình và cộng đồng nói chung. Ngược lại, nếu chúng hoạt động yếu kém hoặc không hiệu quả thì sẽ gây ra sự mất lòng tin và/hoặc tình trạng bất ổn định trong nhiều lĩnh vực”.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về thể chế tuy có muộn hơn, song cũng đã có nhiều định nghĩa được đưa ra:

Trong cuốn Từ điển Việt Nam (Hoàng Phê, năm 1992), thể chế được định nghĩa là: Những quy định, luật lệ của một xã hội, buộc mọi người phải tuân theo.

Cũng có quan điểm cho rằng, thể chế gồm những đạo luật, luật lệ, điều lệ, quy tắc, thủ tục, tập quán được thừa nhận chung mà mọi người phải tuân theo; các tổ chức kinh tế và chính trị cùng những định chế của nó và yếu tố văn hóa hình thành từ thực tiễn. Hay quan niệm thể chế bao gồm các quy định, quy tắc,

luật pháp, điều lệ, các chế tài xử lý vi phạm; bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các yếu tố văn hóa, tâm lý, thói quen, trình độ tri thức.

Cũng có ý kiến cho rằng, khi nói đến thể chế phải nói đến các luật lệ, quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội, các tổ chức vận hành xã hội nói chung, nền kinh tế nói riêng và coi học thuyết phát triển, đường lối chính trị và đường lối kinh tế là một nội dung quan trọng của thể chế.

Phạm Duy Nghĩa cho rằng: Thể chế là một khái niệm rộng, được định nghĩa bao quát, đôi khi mơ hồ, gồm những luật chơi chính thức hoặc phi chính thức định hình nên phương thức ứng xử của con người. Cũng như các quốc gia khác, nền kinh tế Việt Nam được điều tiết bởi những thể chế chính thức và phi chính thức. Thể chế chính thức bao gồm hiến pháp, luật, đặc biệt là các quyền sở hữu, luật pháp về tự do kế hoạch, tự do cạnh tranh, tổ chức công quyền, nhất là các thiết chế thi hành pháp luật và những quy trình kiểm soát quyền lực công cộng khác được thực hiện bởi những cơ chế khách quan. Thể chế phi chính thức bao gồm vô tận các quy tắc bất thành văn, quy phạm, những điều cấm kỵ được tuân thủ trong quan hệ giữa nhóm người.

Như vậy, có thể thấy, tuy cách diễn giải có khác nhau, song tất cả các học giả đều thống nhất thể chế là “bộ quy tắc” hay “bộ chuẩn mực” về hành vi của con người, có tác dụng điều tiết các mối quan hệ qua lại giữa con người với nhau. Từ đó, có thể đưa ra khái niệm: *thể chế là luật chơi chính thức và phi chính thức do nhà nước và cộng đồng đặt ra nhằm điều tiết các mối quan hệ giữa con người với con người trong những giai đoạn lịch sử nhất định của sự phát triển.*

2. Khái niệm thể chế kinh tế

Khái niệm thể chế kinh tế được đề cập từ những năm 1980 của thế kỷ XX, đặc biệt là từ sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới sụp đổ cho đến nay. Trong số các khái niệm về thể chế kinh tế được đưa ra, đáng chú ý có các định nghĩa sau:

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, quyển 4, trang 193, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa Hà Nội, 2005: Thể chế kinh tế không phải là tự nó nảy sinh, tự điều chỉnh, tự cung cấp mà luôn luôn dựa vào khả năng tự giúp của chế độ khác và của lực lượng phi kinh tế.

Trong bài viết “Bàn về phương pháp luận nghiên cứu thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Chu Văn Cáp, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã dẫn câu của tác giả Lưu Hư Duyệt (Trung Quốc) viết trong bài “Bàn về nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhảy vọt dị thường như sau: “Thể chế kinh tế là hình thức tổ chức cụ thể và chế độ quản lý kinh tế của một chế độ kinh tế - xã hội hoặc một quan hệ sản xuất”.

Đình Văn Ân và Lê Xuân Bá trong công trình nghiên cứu “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam” (năm 2006) cho rằng: Thể chế kinh tế là hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế. Thể chế kinh tế bao gồm các yếu tố chủ yếu là các đạo luật, quy chế, quy tắc, chuẩn mực về kinh tế gắn với các chế tài xử lý vi phạm, các tổ chức kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, truyền thống văn hóa và văn minh kinh doanh, cơ chế vận hành nền kinh tế.

Để làm rõ hơn quan niệm của mình, Đình Văn Ân và Lê Xuân Bá còn giải thích: Thể chế kinh tế liên quan đến mọi công đoạn của các hoạt động kinh tế, từ việc phân bổ nguồn lực của nền kinh tế cho tới quá trình phân bổ đầu ra của các hoạt động kinh tế.

Dưới một góc nhìn khác, lại quan niệm thể chế kinh tế có thể được chia thành: Thể chế kinh tế “tước đoạt” và thể chế kinh tế “dung hợp”³. Thể chế kinh tế “tước đoạt”: không có pháp luật và trật tự, quyền sở hữu không được bảo đảm; rào cản gia nhập thị trường; các quy định ngăn cản hoạt động của thị trường và tạo ra một sân chơi bất công. Thể chế kinh tế “dung hợp”: quyền sở hữu được bảo đảm, luật pháp và trật tự, dựa vào thị trường, nhà nước hỗ trợ thị trường; gia nhập thị trường tương đối tự do, tôn trọng hợp đồng; tiếp cận với giáo dục và cơ hội cho đại đa số công dân.

Năm 2016, Ngân hàng Thế giới (WB) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam đã công bố “Báo cáo Việt Nam năm 2035”. Báo cáo này đã đưa ra định nghĩa về thể chế kinh tế như sau: Thể chế kinh tế - đó là những “luật chơi” chính thức và phi chính thức ràng buộc các tương tác trong xã hội, hỗ trợ tăng trưởng và phát triển kinh tế trong dài hạn.

³ Đình Vũ Trang Ngân, năm 2013

Từ các khái niệm đã nêu, có thể cho rằng: Thể chế kinh tế là “luật chơi” chính thức (Hiến pháp, các Bộ luật và Luật, các văn bản dưới Luật, các chính sách và cơ chế tổ chức thực thi các văn bản đó do Nhà nước hiện thời đặt ra) và phi chính thức (các quy tắc bất thành văn, quy phạm, những điều cấm kỵ mà các nhóm người trong xã hội tham gia hoạt động trong nền kinh tế tự nguyện tuân thủ) được đặt ra đối với các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế của một quốc gia trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

3. Các phương pháp tiếp cận về thể chế kinh tế

Với định nghĩa về thể chế kinh tế như nêu trên, để có thể hiểu đúng bản chất của thể chế kinh tế, đặc biệt là tìm ra được các rào cản của nó đối với phát triển kinh tế - xã hội, cũng như nguồn gốc sản sinh ra các rào cản này, từ đó có được các giải pháp có cơ sở khoa học, có tính khả thi nhằm khắc phục tối đa các rào cản, mở đường cho kinh tế - xã hội phát triển, trong phạm vi cuốn sách này thể chế kinh tế sẽ được tiếp cận theo những hướng sau:

Thứ nhất, tiếp cận thể chế kinh tế xuất phát từ thể chế chính trị.

Sau cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, trong xã hội loài người, bên cạnh nền kinh tế thị trường (thường vẫn được coi là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa), đã xuất hiện mô hình kinh tế mới, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, lúc đầu chỉ có ở Liên Xô, sau Chiến tranh thế giới thứ hai (năm 1945) đã trở thành một hệ thống thế giới và phát triển khá rực rỡ trong các thập kỷ 60 và 70 của thế kỷ XX. Thế nhưng từ giữa những năm 1980 hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa bắt đầu lâm vào khủng hoảng và đến đầu những năm 1990 thì mô hình kinh tế này tan vỡ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Vì thế, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa không còn là một hệ thống thế giới nữa. Mặc dù vậy, mô hình kinh tế này vẫn còn tồn tại ở một số quốc gia cho đến ngày nay, song đã có những điều chỉnh nhất định (điều chỉnh nhiều hay ít phụ thuộc vào từng quốc gia).

Mỗi mô hình kinh tế có một cơ chế vận hành riêng. Nền kinh tế thị trường vận hành theo cơ chế thị trường với sự chi phối của các quy luật khách quan là: quy luật cung - cầu, quy luật giá trị và quy luật cạnh tranh. Còn nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, với sự chi phối của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa (Hội nghị các Đảng Cộng sản và công nhân họp ở Mátxcova năm 1957 đưa ra 10 quy luật).

Việc lựa chọn mô hình kinh tế nào để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia hoàn toàn phụ thuộc vào những người cầm quyền ở quốc gia đó. Giai đoạn trước đây, nếu những người cầm quyền là những người cộng sản, thì mô hình kinh tế lựa chọn hoặc hướng đến sẽ là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, còn những người cầm quyền không phải là những người cộng sản thì mô hình kinh tế lựa chọn sẽ là nền kinh tế thị trường.

Nền kinh tế nào cũng vậy, muốn phát triển được, bên cạnh việc vận hành theo các quy luật khách quan, đều phải chịu sự điều tiết (mức độ có khác nhau trong từng thời kỳ phát triển cụ thể) của bộ máy nhà nước hiện hành. Sự điều tiết này được thực hiện thông qua thể chế kinh tế do Nhà nước xây dựng và ban hành.

Như vậy, có thể thấy, thể chế kinh tế luôn phụ thuộc vào thể chế chính trị. Bởi vậy, muốn hiểu rõ bản chất của thể chế kinh tế của một quốc gia, phải tìm hiểu rõ thể chế chính trị của quốc gia đó.

Thứ hai, tiếp cận thể chế kinh tế dựa trên bản chất thực của nó.

Như phần khái niệm đã nêu, thể chế kinh tế là một khái niệm rộng, phức tạp, bao gồm một hệ thống các quy định chính thức và phi chính thức cần được tuân thủ khi tham gia hoạt động trong nền kinh tế của các chủ thể trong một quốc gia ở từng giai đoạn phát triển nhất định. Tuy nhiên, bản chất của thể chế kinh tế là “luật chơi” trong nền kinh tế đối với các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế đó; mà đã là “luật chơi” thì dù “chơi” gì cũng vậy, yêu cầu bắt buộc, có tính nguyên tắc là: phải chặt chẽ, rõ ràng và minh bạch. Bởi lẽ, chỉ có chặt chẽ, rõ ràng, minh bạch thì “cuộc chơi” mới có thể diễn ra một cách khách quan, bình đẳng và kết quả mang lại mới thực sự công bằng, chính xác.

Chặt chẽ, rõ ràng, minh bạch không chỉ là yêu cầu đối với các quy định chính thức của Nhà nước và phi chính thức của cộng đồng, mà còn là yêu cầu hết sức khắt khe đối với người điều khiển cuộc chơi (trọng tài - ở đây chủ yếu là việc tổ chức thực thi pháp luật và chính sách của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế), cũng như đối với các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế.

Chính vì thế, để nắm chắc và lột tả đúng thực trạng của thể chế kinh tế của Việt Nam hơn 30 năm đổi mới vừa qua, có thể xem xét “luật chơi” với yêu cầu chặt chẽ, rõ ràng, minh bạch trên ba khía cạnh:

i) Sự chặt chẽ, rõ ràng, minh bạch của hệ thống luật pháp và chính sách kinh tế do Nhà nước ban hành trong cả quá trình hơn 30 năm, cũng như trong từng giai đoạn phát triển cụ thể của đất nước.

ii) Sự chặt chẽ, rõ ràng, minh bạch trong việc tổ chức triển khai thực hiện hệ thống luật pháp và chính sách kinh tế do Nhà nước ban hành của bộ máy chính quyền các cấp và đội ngũ cán bộ, công chức thực thi công vụ của bộ máy này.

iii) Sự chặt chẽ, rõ ràng, minh bạch đến từ các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế (điều này được xem xét trên cả hai mặt: với tư cách họ là người chịu tác động - người thụ hưởng các kết quả do hệ thống luật pháp, chính sách, cũng như việc thực thi các luật pháp, chính sách đó mang lại và tư cách là người đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế).

Thứ ba, tiếp cận thể chế kinh tế dựa trên việc xem xét, đánh giá biện chứng vai trò, vị trí của từng bộ phận chủ yếu cấu thành nên nó.

Từ những trình bày ở các phần trên, có thể thấy, có bốn bộ phận chủ yếu cấu thành nên thể chế kinh tế là: hệ thống luật pháp và chính sách, bộ máy quản lý của Nhà nước, các quy tắc của cộng đồng và các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế.

Mỗi bộ phận có vai trò, vị trí rất rõ ràng, riêng biệt trong thể chế kinh tế (tất nhiên là ở một mức độ tương đối):

i) Hệ thống luật pháp, chính sách và các quy tắc của Nhà nước giữ vai trò là “luật chơi”, nhằm tạo ra một môi trường bình đẳng cho các chủ thể trong nền kinh tế tham gia hoạt động.

ii) Bộ máy quản lý nhà nước có vai trò như một người “trọng tài”, luôn tìm mọi cách làm cho các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các quy định của luật pháp, chính sách đã quy định.

iii) Các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế giữ vai trò “người chơi”, căn cứ trên các quy định của luật pháp và chính sách của Nhà nước, căn cứ vào yêu cầu của thị trường và khả năng của bản thân mình (doanh nghiệp, tổ chức hay cá nhân, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, có hiệu quả cao.

Tuy mỗi bộ phận có vai trò, vị trí riêng và rất rõ ràng, song chúng lại có mối quan hệ hết sức mật thiết, gắn bó với nhau, cái nọ là tiền đề, là chỗ dựa cho sự vận động và phát triển của cái kia, chẳng hạn: Hệ thống luật pháp và chính sách có thể được xây dựng rất đầy đủ, rất đồng bộ và có chất lượng rất tốt, song bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế yếu kém, đội ngũ công chức thực thi công vụ những nhiều... thì hệ thống luật pháp và chính sách tốt đó cũng khó đi vào cuộc sống. Tất nhiên, những người trực tiếp gánh chịu hậu quả của sự việc đó là các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế và cả nền kinh tế của đất nước.

Hoặc luật pháp và chính sách tốt, việc triển khai thực thi luật pháp và chính sách của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tốt, song trình độ và nhận thức của các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế còn thấp, thì hiệu quả mang lại cho toàn nền kinh tế và một số chủ thể cũng sẽ hạn chế (chẳng hạn, tình trạng buôn lậu, làm hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, trốn thuế, lậu thuế, v.v. sẽ làm cho nền kinh tế hỗn loạn, một số chủ thể làm giàu bất chính, trong khi không ít chủ thể khác và nền kinh tế chung bị ảnh hưởng...).

Chính vì thế, để thực sự hiểu đúng, hiểu đầy đủ về thể chế kinh tế, trong quá trình nghiên cứu, bên cạnh việc tiếp cận từng bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, chúng tôi còn quan tâm tiếp cận một cách biện chứng vai trò, vị trí của từng bộ phận trong mối quan hệ chung của thể chế kinh tế được xem xét.

Thứ tư, tiếp cận thể chế trên tinh thần hội nhập kinh tế quốc tế.

Việt Nam đã và đang hội nhập sâu, rộng với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới. Với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, mà đặc trưng là việc thực hiện rộng rãi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như với xu hướng toàn cầu hóa diễn ra ngày càng nhanh, thì trong những năm tới, việc hội nhập ngày càng sâu và rộng hơn nữa với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới đối với Việt Nam là một tất yếu.

Nền kinh tế của Việt Nam muốn hội nhập thành công với các nền kinh tế trong khu vực và thế giới, thì pha gia quyết nhiều vấn đề, trong đó thể chế kinh tế có nhiều điều tương đồng với họ là điều đặc biệt quan trọng.

Chính vì thế, tiếp cận với thể chế kinh tế Việt Nam phải trên tinh thần hội nhập kinh tế quốc tế; phải so sánh thể chế kinh tế của Việt Nam với thể chế kinh tế của các nước trong khu vực và thế giới. Trên cơ sở đó thấy được sự tương đồng và sự khác biệt giữa thể chế kinh tế của Việt Nam và của các nước khác,

nguồn gốc sinh ra sự tương đồng và sự khác biệt đó, để từ đó có các giải pháp điều chỉnh, hoàn thiện cho phù hợp. Bảo đảm cho thể chế kinh tế của Việt Nam vừa phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của đất nước, vừa không trái với các thông lệ quốc tế, giúp nền kinh tế đất nước đạt hiệu quả cao trong hội nhập.

4. Nội dung của thể chế kinh tế

Thể chế kinh tế là một khái niệm rộng, bao quát nhiều vấn đề phức tạp, có liên quan đến các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, truyền thống, quan hệ quốc tế, vv.. Vì vậy, nội dung của thể chế kinh tế gồm những vấn đề gì, là vấn đề không dễ thống nhất trong thực tiễn, bởi lẽ nó tùy thuộc vào vị trí, góc nhìn, nghiên cứu và xem xét của mỗi người. Chẳng hạn:

Đinh Văn Ân và Lê Xuân Bá (năm 2006) cho rằng: thể chế kinh tế có 4 nội dung:

- Các bộ quy tắc tạo thành “luật chơi” kinh tế thị trường gồm khung pháp luật về kinh tế và các quy tắc chuẩn mực về kinh tế.
- Các chủ thể tham gia trò chơi” kinh tế thị trường (người chơi) gồm các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế; các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.
- Các cơ chế thực thi thể chế kinh tế thị trường (cách chơi) gồm cơ chế cạnh tranh thị trường; cơ chế phân cấp quản lý kinh tế; cơ chế phối hợp, tham gia; cơ chế theo dõi và đánh giá.
- Thể chế kinh tế thị trường cơ bản (sân chơi) gồm thị trường hàng hóa; thị trường tài chính; thị trường khoa học và công nghệ và thị trường bất động sản.

TTBD ĐBDC

Ban Kinh tế Trung ương cho rằng: thể chế kinh tế gồm ba thể chế cơ bản:

- Thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh.
- Thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.
- Thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường⁴.

⁴¹. Xem Ban Kinh tế Trung ương: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015.

Xuất phát từ quan điểm cho rằng thể chế kinh tế là “luật chơi chính thức và phi chính thức” được Nhà nước và cộng đồng đặt ra đối với các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế, nhóm tác giả cuốn sách cho rằng nội dung (hoặc các yếu tố cấu thành) của thể chế kinh tế bao gồm bốn bộ phận sau:

Một là, hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước về kinh tế (gồm cả các Bộ luật, các Luật, pháp lệnh, cũng như các văn bản dưới Luật).

Hai là, hệ thống các quy tắc và văn hóa ứng xử trong hoạt động kinh tế do cộng đồng đúc kết đề ra và được người dân đồng tình, ủng hộ.

Ba là, hệ thống các cơ quan tổ chức triển khai thực hiện hệ thống pháp luật và chính sách về kinh tế, bao gồm đội ngũ cán bộ thực thi công vụ.

Bốn là, hệ thống quy định về quyền của các chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế (các doanh nghiệp, người dân, các tổ chức xã hội).

Về cốt lõi, ba cách phân chia nêu trên cơ bản là giống nhau, chủ yếu chỉ khác nhau ở cách thể hiện. Tuy nêu ra 4 nội dung như vậy, song trong phạm vi của cuốn sách này, nội dung thứ hai, “các quy tắc của cộng đồng đề ra” chúng tôi chỉ đề cập một cách khái quát mà không đi sâu nghiên cứu.



TTBD ĐBDC

